

SAO KÊ TÀI KHOẢN TỪ NGÀY 30/12/2024 ĐẾN NGÀY 05/01/2025

| Ngày giao dịch | Số tham chiếu | Số tiền ghi có | Mô tả |
|----------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1/5/2025 | 5078 - 95053 | 1,000.00 | MBVCB.8133450898..CT tu 1025425592 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/5/2025 | 5078 - 87134 | 200,000.00 | MBVCB.8133201271..CT tu 1040470450 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/5/2025 | 5078 - 47064 | 100,000.00 | MBVCB.8131989045..CT tu 9986331988 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/5/2025 | 5078 - 44216 | 50,000.00 | MBVCB.8128787157..CT tu 0061001174464 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/5/2025 | 5147 - 31145 | 100,000.00 | MBVCB.8127711912.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet.quy tam long viet |
| 1/5/2025 | 5215 - 83740 | 10,000.00 | 992252.050125.015207.NGUYEN PHUC AN chuyen FT25006084983752 |
| 1/4/2025 | 5147 - 29155 | 300,000.00 | MBVCB.8122173271.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet. |
| 1/4/2025 | 5078 - 60641 | 10,000.00 | MBVCB.8120619643.bt.CT tu 0061001010535 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/4/2025 | 5078 - 84291 | 200,000.00 | MBVCB.8118396357..CT tu 1021206356 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/4/2025 | 5147 - 27683 | 500,000.00 | IBVCB.8118353137.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet. |
| 1/3/2025 | 5078 - 17480 | 80,000.00 | MBVCB.8113265465..CT tu 1030076784 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |

| | | | |
|----------|--------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1/3/2025 | 5078 - 43934 | 1,000.00 | MBVCB.8111049843.ung ho cho tre em ngheo mien nui.CT tu 1047471695 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/3/2025 | 5078 - 32575 | 15,000.00 | MBVCB.8110694237..CT tu 9888993866 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/3/2025 | 5078 - 97015 | 1,000.00 | MBVCB.8109671940.ff.CT tu 1037465645 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/3/2025 | 5078 - 41667 | 200,000.00 | MBVCB.8108121077..CT tu 1013275589 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/3/2025 | 5147 - 23451 | 300,000.00 | MBVCB.8107803444.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet. |
| 1/3/2025 | 5078 - 93442 | 100,000.00 | MBVCB.8103645918..CT tu 0041000387345 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/2/2025 | 5078 - 52360 | 100,000.00 | MBVCB.8102387130..CT tu 1036030142 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/2/2025 | 5078 - 85402 | 2,000.00 | MBVCB.8097456618.sinh vien ngheo vuot kho.CT tu 1037900449 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/2/2025 | 5147 - 18522 | 49,270.00 | MBVCB.8095892144.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet.null |
| 1/2/2025 | 5078 - 79925 | 50,000.00 | MBVCB.8094456810..CT tu 1038362067 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |

| | | | |
|------------|-------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1/2/2025 | 5147 - 17666 | 10,000.00 | MBVCB.8094107730.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet.ung ho |
| 1/2/2025 | 5078 - 25699 | 500,000.00 | MBVCB.8092741436..CT tu 0071001165195 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/1/2025 | 5078 - 12004 | 40,000.00 | MBVCB.8092323521..CT tu 1012579674 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 1/1/2025 | 5078 - 11485 | 200,000.00 | MBVCB.8092315663..CT tu 0031000301680 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 9721 - 1235667979 | 1,831,057.00 | INTEREST PAYMENT |
| 12/31/2024 | 5078 - 14066 | 100,000.00 | MBVCB.8083512380..CT tu 1027973293 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 07326 | 100,000.00 | MBVCB.8083318691..CT tu 0381002383913 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 06962 | 100,000.00 | MBVCB.8083293794.ung ho QTLV.CT tu 1040386189 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5147 - 10259 | 21,390.00 | MBVCB.8082540386.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet.null |
| 12/31/2024 | 5147 - 10119 | 137,539.00 | MBVCB.8082324677.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet. |
| 12/31/2024 | 5078 - 74151 | 500,000.00 | MBVCB.8082313227.nguoi co hoan canh kho khan.CT tu 1013274572 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |

| | | | |
|------------|--------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 12/31/2024 | 5078 - 63359 | 200,000.00 | MBVCB.8081994747..CT tu 0021000335655 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5147 - 08900 | 29,239.00 | MBVCB.8080965571.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet.g |
| 12/31/2024 | 5147 - 08199 | 29,230.00 | MBVCB.8080475119.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet.khuyet tat |
| 12/31/2024 | 5147 - 06613 | 15,000.00 | MBVCB.8079214397.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet. |
| 12/31/2024 | 5078 - 58726 | 50,000.00 | MBVCB.8078962508..CT tu 0011004300234 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 55075 | 100,000.00 | MBVCB.8078875293..CT tu 9378155751 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 61354 | 20,000.00 | MBVCB.8076361441..CT tu 1016736647 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 59119 | 100,000.00 | MBVCB.8076299799..CT tu 1023426418 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 56437 | 300,000.00 | MBVCB.8076223451..CT tu 1015828650 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5136 - 80831 | 4,387,983.00 | IBBIZ6029680831.NHAN VIEN BPVP CTCP AN THINH VUONG LOGISTICS.Ung ho thon lang Nu |

| | | | |
|----------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12/31/2024 | 5245 - 75062 | 300,000.00 | MBVCB.8074208811.TRAN THI THEU chuyen tien - KHACH BO THI CHO SHOP, SHOP NHAN TAM LONG CUA KHACH, CON TIEN CHUYEN VE QUY UNG HO NGUOI NGHEO .CT tu 0821000060071 TRAN THI THEU toi 1235667979 QUY TAM LONG VIET |
| 12/31/2024 | 5078 - 78867 | 200,000.00 | MBVCB.8074032507..CT tu 1022742013 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 52267 | 100,000.00 | MBVCB.8073209883.quy tam long viet.CT tu 0851000020285 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/31/2024 | 5078 - 50185 | 200,000.00 | MBVCB.8073138381..CT tu 0551000260672 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/30/2024 | 5147 - 98134 | 20,000.00 | MBVCB.8067197896.2001.VCB Rewards.Ung ho toi 1235667979 Quy Tam long Viet.null |
| 12/30/2024 | 5078 - 80135 | 200,000.00 | MBVCB.8065199718.ung ho quy tam long viet.CT tu 0481000727332 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/30/2024 | 5078 - 93507 | 10,000.00 | MBVCB.8062722508..CT tu 0651000762002 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| 12/30/2024 | 5078 - 40436 | 1,212.00 | MBVCB.8061087290..CT tu 0711000306866 toi 1235667979 Quy Tam long Viet |
| Tổng số | | 12,171,920.00 | |